

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công điều chỉnh năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024,

Xét Báo cáo số 503/BC-UBND ngày 07/11/2024 của UBND thị xã về một số nội dung lĩnh vực ngân sách và đầu tư trình kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) của HĐND thị xã; Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 07/11/2024 của UBND thị xã về đề nghị thông qua kế hoạch vốn đầu tư công điều chỉnh năm 2024 – nguồn ngân sách thị xã; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 11/11/2024 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các vị đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công điều chỉnh năm 2024, như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án và chi phí chuẩn bị đầu tư: 16.090 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 12 dự án trong kế hoạch vốn năm 2024: 10.271 triệu đồng.
- Bổ sung 05 dự án tất toán: 1.675 triệu đồng.
- Bổ sung 04 dự án bố trí lại vốn: 4.144 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 1A và Phụ lục 2A)

Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã khóa IV giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa IV, kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- 02 Ban và ĐB.HĐND, TV.UBND thị xã;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- TT HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Sơn

PHỤ LỤC 1A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND thị xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó									
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học				Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)			489.614	487.573	253.302	124.816	24.200	14.700	55.000	14.000	10.057	6.859	124.816	24.200	14.700	55.000	14.000	10.057	6.859	16.090	16.090	-
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			500			500		-	500				-		-					500		
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP			236.239	234.972	153.598	36.382	3.947	6.830	14.405	11.200	0	0	30.128	4.283	6.330	8.315	11.200	0	0	6.590	336	
1	Quy hoạch			23.372	23.372	10.295	4.245	2.760	0	1.485	0	0	0	4.245	2.760	0	1.485	0	0	0	0	0	
1.1	Quy hoạch phân khu phường Sơn Giang tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	1231/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	2.709	2.709	1.470	320	-		320	-			320	-		320	-			0	-	
1.2	Quy hoạch phân khu phường Long Phước tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	377/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	3.820	3.820	2.400	648	648			-			648	648			-			0	-	
1.3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	Phòng QLĐT	637/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	2.306	2.306	1.000	415	-		415	-			415	-		415	-			0	-	
1.4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hồ Đăk Krat, phường Long Phước	Phòng QLĐT	657/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	1.258	1.258	655	245			245	-			245			245	-			0	-	
1.5	Quy hoạch phân khu phường Long Thủy tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	539/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	2.272	2.272	750	444	444			-			444	444			-			0	-	
1.6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố 1, phường Phước Bình	Phòng QLĐT	772/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.737	1.737	620	324	324			-			324	324			-			0	-	
1.7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	Phòng QLĐT	771/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.910	1.910	645	351	351			-			351	351			-			0	-	
1.8	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình	Phòng QLĐT	Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.546	1.546	570	294	294			-			294	294			-			0	-	
1.9	Quy hoạch phân khu phường Thác Mơ tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	657/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	2.254	2.254	765	425	425			-			425	425			-			0	-	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó									
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học				Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM
1.10	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Nhơn Hòa 2, xã Long Giang	Phòng QLĐT	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	910	910	560	137	137			-			137	137			-			0	-	
1.11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng	Phòng QLĐT	1041/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	910	910	560	137	137			-			137	137			-			0	-	
1.12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung Tâm xã Phước Tín	Phòng QLĐT	1469/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	1.740	1.740	300	505			505	-			505			505	-			0	-	
2	Hạ tầng-Giao thông			142.100	140.700	97.403	11.035	445	2.880	7.710	0	0	0	6.571	571	2.380	3.620	0	0	0	4.590	126	
2.1	Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghệ xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	Ban QLDA ĐTXD	512/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	99.000	99.000	68.153	550			550				550			550				0	-	
2.2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Khuyến và đường nhánh	Ban QLDA ĐTXD	170/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	4.800	4.800	4.150	350			350				476	126		350				126	Dự án đang quyết toán dự án hoàn thành. Nhu cầu bổ sung vốn để giải ngân	
2.3	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 3)	Ban QLDA ĐTXD	760/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	15.300	13.900	13.600	935			935				-							935	Dự án đã hoàn thành 100% khối lượng nhưng phát sinh kiến nghị của người dân đề nghị đầu tư phần hạ lưu cống thoát nước ngoài hồ sơ thiết kế	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú	
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học				Vốn kết dư chuyển sang đầu tư
2.4	Đầu tư hạ tầng, san lấp mặt bằng nghĩa trang nhân dân TX Phước Long tại xã Long Giang	Ban QLDA ĐTXD	1259/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	23.000	23.000	11.500	9.200	445	2.880	5.875			5.545	445	2.380	2.720			3.655		- Công tác GPMB chậm, cụ thể là do việc xác định giá đất cụ thể của phần diện tích đất thu hồi làm mái taluy kéo dài (từ trong quý I/2024 đến tháng 6/2024 mới phê duyệt phương án GPMB). - Từ cuối QII/2024 đến giữa quý III/2024 địa bàn Phước Long mưa liên tục trong khi dự án có khối lượng đào đắp lớn nên ảnh hưởng tiến độ thi công	
3	Giáo dục			57.467	57.600	37.100	17.292	742	3.950	1.400	11.200	-	17.502	952	3.950	1.400	11.200	0	0	0	210	0
3.1	Xây dựng 09 phòng học trường TH Sơn Giang	Ban QLDA ĐTXD	132/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	6.000	6.000	5.400	200	200					200	200					0		-	
3.2	XD 04 phòng chức năng, khu hiệu bộ trường TH Phước Tín B	Ban QLDA ĐTXD	133/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	4.500	4.500	4.050	312	312					312	312					0		-	
3.3	XD 03 phòng học, 04 phòng chức năng và các phòng hiệu bộ trường TH Phan Bội Châu	Ban QLDA ĐTXD	134/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	6.500	6.500	5.850	230	230					230	230					0		-	
3.4	XD 06 phòng học trường TH Lê Hồng Phong	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4.800	4.800	3.800	700				700		810	110			700			110	Dự án đã nghiệm thu hoàn thành, đang quyết toán A-B. Nhu cầu bổ sung vốn để giải ngân	
3.5	XD 6 phòng học trường THCS Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	996/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5.000	5.000	3.800	950		250		700		950		250		700		0		-	
3.6	Xây dựng 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập và 01 phòng phụ trợ trường THCS Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	999/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5.667	5.800	3.800	1.600		200		1.400		1.700	100	200		1.400			100	Dự án đã nghiệm thu hoàn thành, đang quyết toán A-B. Nhu cầu bổ sung vốn để giải ngân	
3.7	Xây dựng 11 phòng học tập, 02 phòng hỗ trợ học tập trường THCS Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	1257/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	12.500	12.500	5.200	6.650		1.750	700	4.200		6.650		1.750	700	4.200		0		-	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó									
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học				Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM
3.8	Xây dựng 08 phòng học, 01 phòng phụ trợ, 02 phòng học tập và 01 phòng hỗ trợ học tập trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ban QLDA ĐTXD	1256/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	12.500	12.500	5.200	6.650		1.750	700	4.200		6.650		1.750	700	4.200			0	-		
4	VHXXH			13.300	13.300	8.800	3.810	-	-	3.810	-	-	1.810	-	-	1.810	-	-	-	2.000	0	0	
4.1	Đầu tư công viên phường Long Thủy	Ban QLDA ĐTXD	1266/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	8.000	8.000	5.600	2.000			2.000										2.000		Một số khó khăn, vướng mắc: - Thủ tục GPMB kéo dài; Phải lấy ý kiến của tập đoàn Bưu chính viễn thông và Viễn thông Bình Phước; - Ý kiến của Sở TN&MT đề nghị làm rõ một số nội dung về chủ trương cho thuê đất đối với Viễn thông Bình Phước và đề nghị chờ Luật Đất đai mới; xây dựng lại phương án theo Luật Đất đai mới - Quy hoạch SĐĐ lô đất dự kiến bố trí TĐC cho Viễn thông Bình Phước không phù hợp, đang xin ý kiến	
4.2	Nâng cấp, chỉnh trang bia tưởng niệm các chiến sỹ cách mạng ở nhà tù Bà rá Phước Long	Ban QLDA ĐTXD	1260/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	5.300	5.300	3.200	1.810			1.810			1.810			1.810				0	-		
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI			126.567	126.790	0	83.273	20.159	7.170	38.475	2.800	7.810	6.859	84.208	14.004	7.670	45.065	2.800	7.810	6.859	9.000	9.935	
	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU NĂM KH			101.808	102.031	0	67.574	20.159	6.870	37.745	2.800	0	0	62.409	11.159	6.870	41.580	2.800	0	0	9.000	3.835	
1	Quy hoạch			2.305	2.305	-	500	-	-	500	-	-	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	
1.1	Quy hoạch phân khu kết nối khu Trung tâm hành chính và đô thị mới tỷ lệ 1/2000	Phòng QLDT	Số 932/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	2.305	2.305		500			500			500			500				0	-		
2	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật - Giao thông			57.500	57.500	-	32.754	13.209	1.630	17.915	-	-	24.354	4.209	1.630	18.515	-	-	-	9.000	600		

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024							Kế hoạch vốn điều chỉnh							Giảm	Tăng	Ghi chú	
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó										
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM				
2.1	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến thôn 7 xã Long Giang)	Ban QLDA ĐTXD	Số 156/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	52.000	52.000		28.324	13.209	1.630	13.485				19.324	4.209	1.630	13.485				9.000		- Luật Đầu thầu mới chưa có văn bản hướng dẫn làm kéo dài thời gian phê duyệt KHLCNT gần 2 tháng - Đây là dự án thiết kế 2 bước nên phải thực hiện phê duyệt dự toán trước khi lựa chọn đơn vị thi công (đến đầu tháng 8/2024 lựa chọn xong nhà thầu thi công) - UBND tỉnh chưa phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đến nay không có cơ sở để phê duyệt phương án GPMB	
2.2	Thảm nhựa sân và đường nội bộ chợ Phước Long	Ban QLDA ĐTXD	Số 155/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.500	5.500		4.430			4.430				5.030			5.030					600	Dự án sắp hoàn thành, nhu cầu bổ sung vốn để giải ngân	
3	Lĩnh vực Giáo dục			11.600	11.600	-	8.700	-	-	5.900	2.800	-	-	10.235	-	-	7.435	2.800	-	-	-	-	1.535	
3.1	Xây dựng 02 phòng học, 05 phòng học tập và 01 phòng phụ trợ trường THCS Long Phước	Ban QLDA ĐTXD	Số 159/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.800	5.800		4.350			2.950	1.400			5.085			3.685	1.400				735	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm	
3.2	Xây dựng 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập, 01 phòng phụ trợ và nhà bảo vệ trường TH Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	Số 157/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.800	5.800		4.350			2.950	1.400			5.150			3.750	1.400				800	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm	
4	Lĩnh vực Y tế			7.900	7.900	-	7.000	3.950	-	3.050	-	-	-	7.400	3.950	-	3.450	-	-	-	-	400		
4.1	Xây dựng khu điều trị cách ly tại Trung tâm y tế	Ban QLDA ĐTXD	Số 158/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	7.900	7.900		7.000	3.950		3.050				7.400	3.950		3.450					400	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm	
5	Lĩnh vực VHXXH			19.100	19.100	-	15.890	3.000	5.240	7.650	-	-	-	17.190	3.000	5.240	8.950	-	-	-	-	-	1.300	
5.1	Xây dựng hệ thống đèn LED trang trí trên một số trục đường chính trên địa bàn thị xã	Ban QLDA ĐTXD	613/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	7.000	7.000		6.300	3.000	3.300	-				6.300	3.000	3.300	-				0	-		
5.2	Đầu tư hệ thống phun nước và đèn trang trí hồ Long Thủy	Ban QLDA ĐTXD	614/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	7.900	7.900		6.000			6.000				7.000			7.000					1.000	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm	
5.3	Nâng cấp, chỉnh trang Khu văn hóa, thương mại- dịch vụ Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	612/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	4.200	4.200		3.590		1.940	1.650				3.890		1.940	1.950					300	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó									
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học				Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM
6	Lĩnh vực KHCN			3.403	3.626	-	2.730	-	-	2.730	-	-	-	2.730	-	-	2.730	-	-	-	-	-	-
6.1	Đầu tư thiết bị 02 phòng vi tính trường TH Phước Tín B và trường THCS Phước Bình	Phòng Kinh tế	1002/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.384	1.547		1.130			1.130				1.130			1.130				0	-	
6.2	Đầu tư xây dựng hệ thống truy cập Wifi công cộng và bổ sung Camera an ninh, giao thông trên địa bàn thị xã Phước Long	Phòng VH&TT	1003/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	2.019	2.079		1.600			1.600				1.600			1.600				0	-	
	DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG GIỮA NĂM KH			24.759	24.759	0	15.699	0	300	730	0	7.810	6.859	21.799	2.845	800	3.485	0	7.810	6.859	0	6.100	
1	Lĩnh vực Giao thông			17.900	17.900	-	8.840	-	300	730	-	7.810	-	14.940	2.845	800	3.485	-	7.810	-	-	6.100	
1.1	Đầu tư, nâng cấp đường Hà Huy Tập (Bù Xiết)	Ban QLDA ĐTXD	1079/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	4.500	4.500		2.250					2.250		3.450	1.200		-		2.250			1.200	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm
1.2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Trãi	Ban QLDA ĐTXD	1080/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	10.400	10.400		5.200			540		4.660		9.600	1.645		3.295		4.660			4.400	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm
1.3	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (đoạn từ tượng đài Chiến thắng đến cầu Đắc Lung)	Ban QLDA ĐTXD		3.000	3.000		1.390		300	190		900		1.890		800	190		900		0	500	Bổ sung vốn theo khối lượng thi công dự kiến đến cuối năm
2	Chương trình MTQG XD NTM			6.859	6.859	-	6.859	-	-	-	-	-	6.859	6.859	-	-	-	-	-	6.859	0	-	
2.1	Thăm bẻ tổng nhựa đường Điện Biên Phủ (từ ngã ba Phước Quả đến ngã ba Phước Lộc)	Ban QLDA ĐTXD		6.859	6.859		6.859						6.859	6.859						6.859	0	-	
IV	VỐN CHƯA PHÂN BỐ			9.020	9.020	0	4.510	0	700	1.620	0	2.190	0	4.510	0	700	1.620	0	2.190	0	0	0	0
1	Lĩnh vực VHXX			7.300	7.300	-	3.650	-	700	760	-	2.190	-	3.650	-	700	760	-	2.190	-	-	-	-
1.1	Đầu tư Lắp đặt bảng thông tin điện tử tại Quảng trường 6-1	Phòng VH&TT		2.800	2.800		1.400		280	280		840		1.400		280	280		840		0	-	
1.2	Đầu tư Trang bị màn hình Led Trung tâm hội nghị thị xã Phước Long và một số thiết bị phụ trợ	Văn phòng HĐND-UBND		4.500	4.500		2.250		420	480		1.350		2.250		420	480		1.350			-	
2	Lĩnh vực khác			1.720	1.720	-	860	-	-	860	-	-	-	860	-	-	860	-	-	-	-	-	
2.1	Đầu tư xây dựng nhà ăn lực lượng thường trực, nhà kho lưu trữ phương Sơn Giang	Ban QLDA ĐTXD		1.720	1.720		860			860		-		860			860		-		0	-	
V	DỰ ÁN TẤT TOÁN			51.288	50.791	43.070	151	94	-	-	-	57	-	1.826	1.769	-	-	-	57	-	-	1.675	
1	Danh mục đã bố trí vốn			6.638	6.641	2.570	151	94	-	-	-	57	-	151	94	-	-	-	57	-	-	-	-
1.1	Trang bị máy 02 phòng vi tính và 04 phòng anh văn	Phòng Kinh tế	1713/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	2.870	2.870	2.570	94	94	-	-	-	-		94	94	-	-	-	-		0	-	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó									
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học				Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM
1,2	Cung cấp trang thiết bị cho các trường mầm non, mẫu giáo	Phòng GD&ĐT	1373/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.497	2.500		13					13	13					13		0	-		
1,3	Đầu tư thiết bị phòng học ngoại ngữ trường TH Phước Tín B, TH Lê Hồng Phong, THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng Kinh tế	3900/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	1.271	1.271		44					44	44					44		0	-		
2	Danh mục bổ sung				44.650	44.150	40.500	-	-	-	-	-	-	1.675	1.675	-	-	-	-	-	-	1.675	
2,1	Nâng cấp mặt đường đường Tôn Đức Thắng (từ đường ĐT741 đến trường TH Long Giang)	Ban QLDA ĐTXD	131/QĐ-UBND ngày 15/2/2023	5.500	5.500	5.000							119	119							119	Công trình đã quyết toán dự án hoàn thành, bổ sung vốn để tất toán	
2,2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Thác Mơ (Gói 2)	Ban QLDA ĐTXD	171/QĐ-UBND ngày 23/2/2023	9.900	9.700	8.700							719	719							719	Công trình đã quyết toán dự án hoàn thành, bổ sung vốn để tất toán	
2,3	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 1)	Ban QLDA ĐTXD	250/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	24.000	23.700	22.000							610	610							610	Công trình đang quyết toán dự án hoàn thành, bổ sung vốn để tất toán	
2,4	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	282/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	4.400	4.400	4.000							195	195							195	Công trình đang quyết toán dự án hoàn thành, bổ sung vốn để tất toán	
2,5	Xây dựng 01 phòng học điểm Bàu Nghé trường Mẫu giáo Phước Tín	Ban QLDA ĐTXD	1060/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	850	850	800							32	32							32	Dự án đã hoàn thành, nhu cầu bổ sung vốn để giải ngân	
VI	DỰ ÁN BỔ TRỊ LẠI VỐN				66.000	66.000	56.634	-	-	-	-	-	-	4.144	4.144	-	-	-	-	-	-	4.144	
1	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thụ	Ban QLDA ĐTXD	3502/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	20.000	20.000	16.959							853	853						0	853	Bổ trí đủ vốn năm 2022: 20 tỷ đồng, GN 6,485 tỷ, hủy dự toán 1 tỷ, chuyển nguồn sang 2023 là 12,515 tỷ trong đó GN năm 2023 là 9,474 tỷ, hủy dự toán 3,041 tỷ.	
2	Xây dựng lại trụ sở, hội trường UBND phường Long Thủy	Ban QLDA ĐTXD	1310/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	12.000	12.000	10.462							1.108	1.108							1.108	Bổ trí đủ vốn năm 2022: 12 tỷ đồng, chuyển tiếp qua năm 2023 GN 10,462 tỷ đồng, hủy DT 1,538 tỷ.	
3	Xây dựng lại trụ sở, hội trường UBND phường Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	1314/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	12.000	12.000	10.301							1.041	1.041							1.041	Bổ trí đủ vốn năm 2022: 12 tỷ đồng, qua năm 2023 GN 10,3 tỷ đồng, hủy DT 1,7 tỷ.	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/7/2024						Kế hoạch vốn điều chỉnh						Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó							
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư		Vốn CT MTQG XD NTM	XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học			
4	Xây dựng trường mẫu giáo Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	883/QĐ-UBND ngày 15/08/2022	22.000	22.000	18.912							1.142	1.142						1.142	Bố trí đủ vốn năm 2022: 22 tỷ đồng, GN 18,91 tỷ đồng, hủy DT 3,09 tỷ.

Phụ lục 2A

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG NĂM 2024(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND thị xã)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Số vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến vốn bố trí năm 2024		Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó, XDCB TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG			110.650	110.150	97.135	5.819	5.819	
I	DỰ ÁN TẮT TOÁN			44.650	44.150	40.500	1.675	1.675	
1	Nâng cấp mặt đường đường Tôn Đức Thắng (từ đường ĐT741 đến trường TH Long Giang)	Ban QLDA ĐTXD	131/QĐ-UBND ngày 15/2/2023	5.500	5.500	5.000	119	119	
2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Thác Mơ (Gói 2)	Ban QLDA ĐTXD	171/QĐ-UBND ngày 23/2/2023	9.900	9.700	8.700	719	719	
3	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 1)	Ban QLDA ĐTXD	250/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	24.000	23.700	22.000	610	610	
4	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	282/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	4.400	4.400	4.000	195	195	
5	Xây dựng 01 phòng học điểm Bàu Nghé trường Mẫu giáo Phước Tín	Ban QLDA ĐTXD	1060/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	850	850	800	32	32	
II	DỰ ÁN BỐ TRỊ LẠI VỐN			66.000	66.000	56.635	4.144	4.144	-

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Số vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến vốn bố trí năm 2024		Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó, XDCB TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thụ	Ban QLDA ĐTXD	3502/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	20.000	20.000	16.960	853	853	
2	Xây dựng lại trụ sở, hội trường UBND phường Long Thủy	Ban QLDA ĐTXD	1310/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	12.000	12.000	10.462	1.108	1.108	
3	Xây dựng lại trụ sở, hội trường UBND phường Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	1314/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	12.000	12.000	10.301	1.041	1.041	
4	Xây dựng trường mẫu giáo Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	883/QĐ-UBND ngày 15/08/2022	22.000	22.000	18.912	1.142	1.142	